HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 22/2024/NQ-HĐND	*Lào Cai, ngày 09 tháng 11 năm 2024*

NGHỊ QUYẾT
Quy định chế độ điều dưỡng đối với cán bộ thuộc diện Tỉnh ủy quản lý đã nghỉ hưu và một số đối tượng khác thường trú trên địa bàn tỉnh Lào Cai

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI
KHÓA XVI - KỲ HỌP THỨ 23
(Kỳ họp giải quyết công việc phát sinh)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Khám, chữa bệnh ngày 09 tháng 01 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 46/2016/TT-BYT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành danh mục bệnh cần chữa trị dài ngày;

Thực hiện Quy định số 744-QĐ/TU, ngày 06 tháng 11 năm 2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai về thực hiện chính sách khám chữa bệnh, chế độ điều dưỡng, trợ cấp một lần khi mắc bệnh hiểm nghèo, thăm khi ốm, thăm viếng đối với cán bộ diện Tỉnh ủy quản lý và một số đối tượng khác; Quyết định số 984-QĐ/TU ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy sửa đổi, bổ sung điểm a, khoản 2, Điều 4, Quy định số 744-QĐ/TU ngày 06 tháng 11 năm 2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện chính sách khám chữa bệnh, chế độ điều dưỡng, trợ cấp một lần khi mắc bệnh hiểm nghèo, thăm khi ốm, thăm viếng đối với cán bộ diện Tỉnh ủy quản lý và một số đối tượng khác;

Xét Tờ trình số 167/TTr-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết Quy định chế độ điều dưỡng đối với cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý và đối tượng khác đã nghỉ hưu trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Báo cáo thẩm tra số 232/BC-BPC ngày 04 tháng 11 năm 2024 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định chế độ điều dưỡng đối với cán bộ thuộc diện Tỉnh ủy quản lý đã nghỉ hưu và một số đối tượng khác thường trú trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cán bộ diện Tỉnh ủy quản lý đã nghỉ hưu thường trú trên địa bàn tỉnh Lào Cai, gồm:

Đối tượng 1: Trưởng Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh (chuyên trách); Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Phó Trưởng Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh; Ủy viên Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

Đối tượng 2: Tỉnh ủy viên; Bí thư các đảng bộ trực thuộc tỉnh, Phó Bí thư Thành ủy Lào Cai; Trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc Tỉnh ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Trưởng các Ban thuộc Hội đồng nhân dân tỉnh; Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh; Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh; Giám đốc Vườn Quốc gia Hoàng Liên; Trưởng các cơ quan cấp tỉnh thuộc ngành dọc Trung ương đóng tại địa phương, gồm: Công an, Viện Kiểm sát nhân dân, Toà án nhân dân, Cục Hải quan, Cục Thống kê, Cục Thuế, Cục Quản lý thị trường, Cục Thi hành án dân sự, Bảo hiểm Xã hội tỉnh, Kho bạc Nhà nước, Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội, Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Lào Cai; Chỉ huy trưởng, Chính ủy Bộ Chỉ huy Quân sự, Bộ đội Biên phòng tỉnh; Hiệu trưởng các trường cao đẳng, đại học trên địa bàn tỉnh; Giám đốc Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh.

Đối tượng 3: Cấp phó của các chức danh thuộc đối tượng 2 nêu trên; Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Tỉnh uỷ; Chi cục trưởng cục Kiểm lâm; Giám đốc Quỹ đầu tư phát triển; Giám đốc Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng; Giám đốc Quỹ phát triển đất tỉnh; Giám đốc Bệnh viện đa khoa tỉnh; Trưởng các tổ chức hội và hội xã hội - nghề nghiệp tỉnh: Hội Chữ thập đỏ, Hội Văn học - Nghệ thuật, Hội Nhà báo, Liên hiệp các hội Khoa học Kỹ thuật, Liên minh Hợp tác xã, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị.

Đối tượng 4: Ủy viên ban thường vụ (chuyên trách) các đảng bộ trực thuộc Tỉnh uỷ; Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện; Chủ tịch hội đồng thành viên (hoặc hội đồng quản trị), Chủ tịch công ty, Giám đốc các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thuộc tỉnh quản lý; cấp phó các cơ quan: Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng, Quỹ phát triển đất tỉnh; Phó các tổ chức hội và hội xã hội - nghề nghiệp tỉnh: Hội Chữ thập đỏ, Hội Văn học

- Nghệ thuật, Hội Nhà báo, Liên hiệp các hội Khoa học Kỹ thuật, Liên minh Hợp tác xã, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị;

b) Một số đối tượng khác: Bà mẹ Việt Nam anh hùng; cán bộ hoạt động cách mạng trước ngày Tổng khởi nghĩa 19 tháng 8 năm 1945; cán bộ hưu trí (được tặng danh hiệu Nhà nước), gồm: Nghệ sỹ nhân dân, nhà giáo nhân dân, thầy thuốc nhân dân; Anh hùng Lực lượng vũ trang; Anh hùng Lao động; các trường hợp đã được hưởng chính sách theo Quy định số 241-QĐ/TU ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai về thực hiện chính sách thăm ốm, điều dưỡng, khám chữa bệnh, thông tin hội nghị, trợ cấp một lần khi mắc bệnh hiểm nghèo, thăm viếng lễ tang đối với cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý và thăm viếng đối với một số đối tượng cán bộ Trung ương, kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2021 trở về trước, gồm: Bí thư, phó bí thư cấp ủy; chủ tịch, phó chủ tịch hội đồng thành viên (hoặc hội đồng quản trị), giám đốc, phó giám đốc các doanh nghiệp Nhà nước đã nghỉ hưu đang cư trú trên địa bàn tỉnh; nghệ sỹ ưu tú; nhà giáo ưu tú; thầy thuốc ưu tú; chuyên viên cao cấp; chuyên viên chính và tương đương (bậc 6 trở lên);

c) Các cá nhân phục vụ đoàn điều dưỡng tập trung.

Điều 2. Chế độ điều dưỡng tập trung

1. Đối tượng quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này có đủ sức khỏe, tự lo sinh hoạt cá nhân được hưởng chế độ điều dưỡng: Định kỳ 02 năm/lần (mỗi lần không quá 10 ngày); được hỗ trợ: Tiền ăn 4.500.000 đồng/người/lần; tiền thuốc 500.000 đồng/người/lần; tiền thuê phòng nghỉ: 350.000 đồng/người/ngày (chi theo thời gian điều dưỡng thực tế).

2. Đối tượng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này được thanh toán theo thời gian phục vụ thực tế: Tiền ăn 450.000 đồng/người/ngày; tiền thuê phòng nghỉ 350.000 đồng/người/ngày.

3. Tiền thuê phương tiện phục phục vụ Đoàn điều dưỡng tập trung theo giá thực tế.

Điều 3. Chế độ điều dưỡng tại nhà

1. Đối tượng điều dưỡng tại nhà được thực hiện 02 năm/lần, bao gồm:

a) Đối tượng thuộc điểm a và điểm b khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này thuộc một trong các trường hợp sau: Người trên 80 tuổi; người mắc bệnh hiểm nghèo (được quy định tại Danh mục kèm theo Nghị quyết này); người mắc bệnh cần chữa trị dài ngày (theo quy định tại Thông tư số 46/2016/TT-BYT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành danh mục bệnh cần chữa trị dài ngày); người sức khỏe yếu không tự lo được sinh hoạt cá nhân;

b) Người có nguyện vọng thực hiện chế độ điều dưỡng tại nhà.

2. Mức hưởng chế độ điều dưỡng tại nhà: Tiền ăn 4.500.000 đồng/người/lần; tiền thuốc 500.000 đồng/người/lần.

Điều 4. Nguồn kinh phí: Ngân sách tỉnh bảo đảm.

Điều 5. Trách nhiệm và hiệu lực thi hành

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản quy phạm pháp luật đã sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

4. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai khoá XVI, Kỳ họp thứ 23 (Kỳ họp giải quyết công việc phát sinh) thông qua ngày 09 tháng 11 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2025.

5. Nghị quyết số 12/2020/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định chế độ điều dưỡng đối với cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý đã nghỉ hưu trên địa bàn tỉnh Lào Cai hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành./.

Nơi nhận:
- UBTV Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Y tế, Tài chính, Nội vụ, GD và ĐT;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư Pháp;
- TTTU, TTHĐND, UBND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ban Thường trực UBMTTQ Việt Nam tỉnh ;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Ban Bảo vệ chăm sóc sức khoẻ cán bộ tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT.HĐND, UBND cấp huyện;
- VP: TU, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Báo, Đài PTTH, Công báo, Cổng TTĐT tỉnh;
- Các phòng chuyên môn thuộc VP;
- Lưu: VT, CTHĐND.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Vũ Xuân Cường

DANH MỤC 5 BỆNH HIỂM NGHÈO

(Kèm theo Nghị quyết số 22/2024/NQ-HĐND ngày 09/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai)

Danh mục này được áp dụng đến khi Bộ Y tế có văn bản chính thức quy định, hướng dẫn về Danh mục bệnh hiểm nghèo thì thực hiện theo Danh mục bệnh hiểm nghèo do Bộ Y tế quy định.

TT	Danh mục bệnh theo các chuyên khoa	Mã bệnh theo ICD 10
I	**U bướu**	
1	Bệnh Ung thư các loại	C00 đến C97; D00 đến D09
II	**Bệnh nhiễm trùng và ký sinh trùng**	
2	Nhiễm HIV trong khi thi hành công vụ, giai đoạn cuối (AIDS)	
3	Bệnh lao phổi giai đoạn cuối	
4	Viêm màng não do vi khuẩn (viêm mang não mủ)	A17.0; G00.8
5	Viêm não nặng	A32.1
III	**Bệnh của máu, cơ quan tạo máu và các rối loạn liên quan đến cơ chế miễn dịch**	
6	Suy tủy xương	D61.9
IV	**Bệnh nội tiết, dinh dưỡng và chuyển hóa**	
7	Suy tuyến giáp giai đoạn cuối	
8	Suy tuyến thượng thận giai đoạn cuối	
9	Viêm tụy mãn tái phát	
V	**Bệnh tâm thần**	
10	Tâm thần phân liệt	F20
VI	**Bệnh hệ thần kinh**	
11	Bệnh xơ cứng cột bên teo cơ (bệnh teo hệ thống ảnh hưởng chủ yếu tới hệ thần kinh trung ương trong bệnh phân loại nơi khác)	G13
12	Xơ cứng rải rác (Multiple Sclerosis)	G35
13	Hôn mê	B15.0; B16.0; B16.2; B19.0; E03.5; E15; R40.2; S06.7
14	Liệt hai chi dưới	M62.3
15	Ghép tuỷ	
VII	**Bệnh mắt và phần phụ của mắt**	
16	Mù hai mắt (mất thị lực không đo được)	H54.3
VIII	**Bệnh tai và xương chũm**	

17	Mất thính lực 02 bên (điếc)	H90; H90.0; H90.2; H90.3; H90.5; H90.6; H90.8; H91.3
IX	**Bệnh hệ tuần hoàn**	
18	Nhồi máu cơ tim tiến triển	I22
19	Đột quỵ không rõ nhồi máu não hay xuất huyết não	I64
20	Xuất huyết não	I61
21	Nhồi máu não	I63
22	Phẫu thuật động mạch vành	
23	Phẫu thuật thay van tim	
24	Phẫu thuật động mạch chủ	
25	Suy tim độ 4	I50
X.	**Bệnh hệ hô hấp**	
26	Mất khả năng phát âm (câm)	F94.0
27	Suy chức năng phổi mạn sau phẫu thuật	J95.3
XI	**Bệnh hệ tiêu hóa**	
28	Xơ gan không hồi phục	
29	Bệnh Crohn (viêm ruột từng vùng)	K50
XII	**Bệnh hệ cơ - xương - khớp và mô liên kết**	
30	Mất hai chi	
XIII	**Bệnh hệ sinh dục - Tiết niệu**	
31	Bệnh thận giai đoạn cuối	N18.0
XIV	**Chấn thương**	
32	Chấn thương vùng cổ, sọ não nặng	S01; S06; S06.2; S06.5; S06.6.S06.7; S13.0; S13.3; S14
XV	**Bệnh khác**	
33	Ghép tạng	Z94